| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO**<br>**TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 532/2025/HC-PT
Ngày 05 – 5 – 2025
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Thủy;

*Các Thẩm phán:* Ông Dương Tuấn Vinh;

Ông Lê Văn An.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 70/2025/TLPT-HC ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1202/2021/HC-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 113/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

***- Người khởi kiện***: Ông Ngô Hàng V, sinh năm 1979; Địa chỉ: C Đ, ấp A, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

*Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện*: Ông Ngô Thanh S theo Văn bản ủy quyền được công chứng số 006527, Quyển 05/2001/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/5/2021 của Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: 1 T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

***- Người bị kiện***:

1. Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện*: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện H, theo Văn bản ủy quyền số 1859 ngày 14/4/2021). (vắng mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:*

1. Ông Nguyễn Công H – Phó Trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị X - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: A L, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1984; (vắng mặt)

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ*: Ông Ngô Thanh S, theo Văn bản ủy quyền số 0006527 ngày 22/5/2021. (vắng mặt)

Địa chỉ: 1 T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Lê Thị Thùy D, sinh năm: 1961. (vắng mặt)

3. Ông Đặng Thanh Đ1, sinh năm 1959. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: C ấp A, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Người kháng cáo:*** Ủy ban nhân dân huyện H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H.

***- Người kháng nghị:*** Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2021, đơn sửa đổi bổ sung khởi kiện đề ngày 14/6/2021, bản tự khai và biên bản đối thoại, người khởi kiện - ông Ngô Hàng V có ông Ngô Thanh S đại diện trình bày:*

Căn nhà số C Đ, ấp A, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc từ nhà đất của bà Võ Thị C sử dụng từ trước năm 1975, năm 1996 bà C cho con là Đặng Thanh Đ1 và Lê Thị Thùy D sử dụng, năm 2004 bà D xin cấp Giấy chứng nhận và được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc: 1821/2004 ngày 27/9/2004. Ngày 22/9/2011, ông Đ1, bà Dương T1 cho ông Đặng Thanh T2 phần nhà đất trên, cập nhật biến động trên Giấy chứng nhận số CH00846 ngày 22/9/2011. Ông V, bà Đ mua lại căn nhà và đất nêu trên của ông T2 và đã cấp đổi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH 01071 ngày 16/12/2014.

Ngày 18/12/2018, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 6285/QĐ-UBND về việc thu hồi 60,1m$^2$ đất, trong đó có 58,7m$^2$ thuộc thửa 21, 22 tờ bản đồ số 61 (tài liệu đo đạc năm 2004) xã Đ, huyện H và 1,4m$^2$ là đường của gia đình ông V tại địa chỉ số C ấp A, xã Đ, huyện H và Quyết định số 5521-1145/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông Ngô Hàng V thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa đường Tỉnh lộ 9 (đường Đ) (gọi tắt là Quyết định 5521-1145/QĐ-UBND) với nội dung phần đất bị thu hồi diện tích 58,1m$^2$ hỗ trợ theo giá đất nông nghiệp; phần diện tích 0,6m$^2$ không thuộc giấy chứng nhận và diện tích 1,4m$^2$ thuộc đường (a) không được bồi thường, hỗ trợ.

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất là 130.608.800 đồng. Ngày 21/5/2020, Ủy ban ban hành Quyết định số 2454/QĐ-UBND nội dung điều chỉnh một phần nội dung điều 1 của Quyết định số 5521-1145/QĐ-UBND.

Không đồng ý với các Quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, ông V đã đề nghị Ủy ban nhân dân huyện H xem xét, xác định loại đất đối với phần đất bị thu hồi nhưng không được giải quyết, ngày 27/01/2021 có văn bản trả lời không xét khiếu nại của ông. Sau đó Ủy ban nhân dân huyện H cưỡng chế thu hồi nhà đất của ông. Hiện nay ông chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông V có mặt và xác định đồng ý với Quyết định thu hồi đất số 6258/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện H, ông được tham dự các phiên họp và được thông báo về thông tin dự án, tuy nhiên việc xác định đất bị thu hồi là đất nông nghiệp, đồng thời hỗ trợ theo giá đất nông nghiệp, không bồi thường giá trị xây dựng là không đúng pháp luật. Ông V rút yêu cầu Tòa án xem xét quyết định cưỡng chế số 63/QĐ-UBND ngày 11/01/2021. Ông đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy: Quyết định số 5521-1145/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Thông báo về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại số 823/TB-UBND-TTH ngày 27/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H.

*Người bị kiện - Ủy ban nhân dân huyện H có Văn bản số 2004/UBND-TNMT ngày 26/4/2021 trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện có nội dung như sau:*

Phần diện tích đất 60,1m$^2$, thuộc một phần thửa đất số 21, 22, tờ bản đồ số 61, tài liệu năm 2004, xã Đ có nguồn gốc của ông Đặng Thanh Đ1 và bà Lê Thị Thùy D; ngày 27/9/2004, Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở số 1821/2004 cho ông Đ1 và bà D đối với phần đất diện tích 17,2m$^2$, thuộc thửa đất số 331, tờ bản đồ số 7-ĐT có số nhà C Ấp A, xã Đ do phù hợp quy hoạch, phần diện tích 60,1m$^2$ thuộc lộ giới nên không cấp quyền sử dụng đất nhưng vẫn được thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở số 1821/2004.

Ngày 15/8/2011, Ủy ban nhân dân huyện H cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00846 cho ông Đặng Thanh Đ1 và bà Lê Thị Thùy D (do Giấy chứng nhận số 1821/2004 bị mất).

Ngày 22/9/2011, ông Đ1, bà Dương T1 cho ông Đặng Thanh T2 phần nhà đất trên, cập nhật biến động trên Giấy chứng nhận số CHO0846 ngày 22/9/2011. Năm 2014, ông T2 chuyển nhượng cho ông Ngô Hàng V và bà Nguyễn Thị Đ. Ngày 16/12/2014, Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 01071 cho ông Ngô Hàng V và bà Nguyễn Thị Đ đối với phần đất 15,6m$^2$ thửa đất số 359, tờ bản đồ số 61 (Tài liệu 2005), xã Đ; phần nhà số C Ấp A, xã Đ.

Ngày 18/12/2018, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 6285/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của cá nhân, hộ gia đình ông Ngô Hàng V để thực hiện dự án, kèm theo là Quyết định số 5521-1145/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông Ngô Hàng V thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa đường Tỉnh lộ 9 (đường Đ), ông V có đơn đề nghị xem xét xác định loại đất ở đối với phần đất bị thu hồi.

Ngày 25/5/2020, Ủy ban nhân dân huyện H có văn bản số 147/UBND-TNMT về việc trả lời đơn đề nghị xem xét loại đất ở khi thực hiện dự án của ông Ngô Hàng V có nội dung "phần nhà của ông Ngô Hàng V xây dựng năm 1997, sau thời điểm Ủy ban nhân dân Thành phố H công bố quy hoạch lộ giới đường Tỉnh lộ 9 (nay là đường Đ) theo Quyết định số 6982/QĐ-UBND ngày 30/9/1995.

Căn cứ Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 5 của quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố thì trường hợp của ông Ngô Hàng V được tính bồi thường, hỗ trợ với loại đất nông nghiệp là đúng quy định".

Ngày 11/01/2021, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 63/QĐ-UBND áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất đối với ông/bà Ngô Hàng V-Nguyễn Thị Đ do không chấp hành quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án Nâng cấp, sửa chữa đường Đ.

Ngày 27/01/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện có Thông báo số 823/TB-UBND-TTH về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại.

Ông V cho rằng phần đất bị ảnh hưởng dự án của ông được xác định là đất T, do đó ông đề nghị được xác định loại đất ở là không có căn cứ, vì theo Văn bản số 1025/TCQLĐĐ-CĐKTK ngày 24/9/2013 của T3 thì ý kiến của ông V là không đúng.

Theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, Điều 20 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai về cấp giấy chứng nhận thì trường hợp của ông Ngô Hàng V chỉ đủ điều kiện công nhận đất ở đối với phần nhà đất phù hợp quy hoạch. Đối với phần đất thuộc lộ giới đường Tỉnh lộ 9 (đường Đ) do tạo lập vào năm 1997 sau thời điểm công bố lộ giới theo Quyết định số 6982/QĐ-UB QLĐT ngày 30/9/1995 của Ủy ban nhân dân Thành phố nên không phù hợp quy hoạch, không được công nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất SỐ CH01071 ngày 16/12/2014 đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho ông Ngô Hàng V và bà Nguyễn Thị Đ. Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện H xác định loại đất nông nghiệp đối với trường hợp của ông Ngô Hàng V là đúng quy định.

Về việc bồi thường, hỗ trợ về tài sản: Nhà xây dựng năm 1997, áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 20 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 thì hỗ trợ bằng 25% giá trị xây dựng theo

suất vốn đầu tư xây dựng công trình do Bộ X1 ban hành.

Do ông V không chấp hành nên Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất. Ủy ban nhân dân huyện H đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H vắng mặt nhưng tại văn bản số 2005/UBND ngày 26/4/2021 trình bày như sau: Phần nhà đất gia đình ông Ngô Hàng V sử dụng thuộc dự án nâng cấp, sửa chữa đường Đ, thực hiện theo quy định của pháp luật Ủy ban nhân dân huyện H đã ban hành các Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông Ngô Hàng V.

Ngày 07/12/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H nhận được đơn của ông Ngô Hàng V khiếu nại Công văn số 147/UBND-TNMT ngày 25/5/2020 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc trả lời đơn đề nghị xem xét loại đất ở khi thực hiện dự án của ông Ngô Hàng V.

Tại Biên bản làm việc ngày 30/12/2020, ông V cho biết đã nhận được Công văn số 147/UBND-TNMT vào khoảng 02 tuần sau khi công văn được ban hành (khoảng ngày 15 tháng 6 năm 2020), thời hiệu giải quyết khiếu nại lần đầu theo quy định tại Điều 9 Luật Khiếu nại năm 2011 là 90 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính. Căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định các khiếu nại không được thụ lý giải quyết: "Thời hiệu, thời hạn khiếu nại đã hết mà không có lý do chính đáng" và khoản 2 Điều 7 Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của ông Ngô Hàng V đối với Công văn số 147/UBND-TNMT ngày 25/5/2020 của Ủy ban nhân dân huyện H. Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H ra Thông báo số 823/TB-UBND-TTH ngày 27/01/2021 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại là đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của người khởi kiện.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Bà Nguyễn Thị Đ ủy quyền cho ông Ngô Thanh S trình bày:

Bà Đ là vợ của ông Ngô Hàng V, bà nhất trí với ý kiến và yêu cầu của ông V.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thùy D có ý kiến:

Phần nhà đất ông Ngô Hàng V bị thu hồi có nguồn gốc do cha mẹ chồng bà cho vợ chồng bà từ năm 1996, trên đó có một phần nhà xây dựng từ trước năm 1975. Vợ chồng bà chỉ sửa chữa lại năm 1997 trên nền nhà cũ. Tranh chấp giữa ông V và Ủy ban nhân dân huyện H bà không có ý kiến. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Thanh Đ1 có ý kiến:

Ông là chồng của bà Lê Thị Thùy D, ông thống nhất với ý kiến của bà D.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1202/2021/HCST ngày 6 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:*

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 32, Điều 60, Điều 116, khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 173, khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003 và năm 2013; Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và an sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố H;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 63/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hàng V về việc hủy:

- Quyết định số 5521-1145/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông Ngô Hàng V thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa đường Tỉnh lộ 9 (đường Đ);

- Thông báo số 823/TB-UBND-TTH ngày 27/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại;

- Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định pháp luật về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với phần bị thu hồi của ông Ngô Hàng V, bà Nguyễn Thị Đ theo quy định của pháp luật và giải quyết khiếu nại (nếu có).

*Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, phần thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.*

Ngày 05/01/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số 05/QĐ-VKS-HC, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hàng V về việc hủy Quyết định bồi thường số 5521-1145/2018; hủy và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy Thông báo không thụ lý giải quyết khiếu nại số 823/2022.

Ngày 06/01/2022, Ủy ban nhân dân huyện H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H làm đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hàng V.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 532/2022/HC-PT ngày 21/7/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

*Không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện H, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành pho H. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1202/2021/HCST ngày 06/12/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.*

Ngày 14/10/2022, UBND huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh có đơn đề nghị xem xét lại bản án hành chính phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 25/2024/KN-HC ngày 02/8/2024, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định kháng nghị đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 532/2022/HC-PT ngày 21/7/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 532/2022/HC-PT ngày 21/7/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

*Tại Quyết định giám đốc thẩm số 44/2024/HC-GĐT ngày 13/11/2024, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định:*

Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 25/2024/KN-HC ngày 02/8/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 532/2022/HC-PT ngày 21/7/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 10/02/2025, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý lại hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ủy ban nhân dân huyện H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định kháng nghị.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự là đúng quy định pháp luật tố tụng hành chính. Người bị kiện có kháng cáo nhưng vắng mặt không có lý do mặc dù được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, không

cử người đại diện hoặc người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người bị kiện.

Về nội dung: Xét quyết định kháng nghị, nhận thấy Ủy ban nhân dân huyện H bồi thường có 60,1m$^2$ thu hồi theo đơn giá đất nông nghiệp là có lợi cho ông V và việc UBND huyện H áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 20 của Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố H, hỗ trợ 25 % giá trị tài sản đúng quy định. Ngoài ra theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật TTHC năm 2015, Thông báo không thụ lý khiếu nại số 823/2021 không chứa đựng nội dung về "vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính" do đó không phải là quyết định hành chính và không thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính nhưng cấp sơ thẩm vẫn thụ lý, giải quyết là không đúng.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hàng V về việc hủy Quyết định số 5521-1145/QĐ-UBND ngày 18/12/2018; hủy và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy Thông báo số 823/TB-UBND-TTH ngày 27/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện H và chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp quy định của pháp luật nên đủ điều kiện được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 225 Luật tố tụng hành chính 2015 đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người bị kiện.

[2] Về nội dung:

Ngày 18/12/2018, UBND huyện H đã ban hành Quyết định số 6285/QĐ-UBND thu hồi 60,1m$^2$ đất tọa lạc tại xã Đ, huyện H của gia đình ông Ngô Hàng V để thực hiện Dự án sửa chữa, nâng cấp Tỉnh lộ 9 (đường Đ), huyện H. Nguồn gốc đất bị thu hồi theo ông V trình bày là của vợ chồng ông Đặng Thanh Đ1, bà Lê Thị Thùy D được cha mẹ cho. Ông Đ1, bà D được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004; sau đó vợ chồng ông Đ1 tặng cho ông Đặng Thanh T2 (ông T2 được cập nhật sang tên trên GCNQSDĐ vào ngày 22/9/2011). Quá trình sử dụng đất, ông T2 chuyển nhượng lại nhà đất trên cho vợ chồng ông V, bà Đ;

ông V, bà Đ được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với ngày 16/12/2014.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/9/2004 do UBND huyện H cấp cho ông Đặng Thanh Đ1, bà Lê Thị Thùy D thể hiện phần nhà ở tổng diện tích sử dụng chỉ có 15,7m$^2$; đất ở thuộc thửa số 331, tờ bản đồ số 7 ĐT, diện tích 17,2m$^2$ (là phần diện tích nhà, đất phù hợp quy hoạch); bản vẽ sơ đồ kèm theo thể hiện: diện tích đất 88,42m$^2$, diện tích xây dựng 66,9m$^2$ nằm trong phạm vi quy hoạch (quy hoạch theo Quyết định số 6982-QĐ-UB-QLĐT ngày 30/9/1995 của UBND Thành phố H. Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số BY 101238 ngày 16/12/2014 do UBND huyện H cấp cho ông Ngô Hàng V, bà Nguyễn Thị Đ, UBND huyện H cũng chỉ công nhận cho ông V, bà Đ diện tích đất ở là 15,6m$^2$ và diện tích xây dựng nhà ở là 7,8m$^2$ (đây là phần diện tích không phù hợp quy hoạch được công nhận); còn phần diện tích đất 89,3m$^2$ và diện tích nhà 63,1m$^2$ không phù hợp quy hoạch, không được công nhận. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như nêu trên, ông Đ1, bà D, ông V, bà Đ đều không có khiếu nại, khởi kiện đối với các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

Như vậy, mặc dù ngày 05/8/1999, ông Đ1 có Tờ đăng ký nhà đất, theo đó ông Đ1 đăng ký diện tích toàn bộ khuôn viên 200m$^2$ tại thửa số 31, 32 ấp A, Tỉnh lộ 9. Tuy nhiên, thời điểm này đất đã có quy hoạch theo Quyết định số 6982-QD-UB-QLDT ngày 30/9/1995 của UBND Thành phố H. Vì vậy, khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004, vợ chồng ông Đ1, bà D, sau này là vợ chồng ông V, bà Đ chỉ được công nhận phần diện tích phù hợp quy hoạch; những phần đất không phù hợp quy hoạch, không đủ điều kiện cấp được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực tế cũng không được công nhận trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do phần đất của ông V, bà Đ không phù hợp quy hoạch, không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên cũng không đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 1 Điều 75, khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013, khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Ông V yêu cầu xác định phần đất 58,1m$^2$ bị thu hồi của gia đình ông là đất ở và bồi thường theo đơn giá đất ở là không có cơ sở. Phần đất này là đất nằm trong quy hoạch đường giao thông (hiện tại là đường Đ) nên theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 11 A quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố H quy định về hỗ trợ đối với trường hợp không đủ điều kiện bồi thường về đất, UBND huyện H chỉ hỗ trợ cho gia đình ông V 100% diện tích 58,1m$^2$ theo giá đất nông nghiệp là đúng quy định. Đối với phần đất không nằm trong GCNQSDĐ (diện tích 0,6m$^2$ thuộc thửa 21 và phần diện tích 1,4m$^2$ thuộc đường) không được bồi thường, hỗ trợ về đất. Về tài sản trên đất là căn nhà xây dựng năm 1997, sau thời điểm có quy hoạch (năm 1995) nên chỉ được hỗ trợ bằng 25% giá trị xây dựng theo điểm

b, c khoản 2 Điều 20 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND. Việc UBND huyện H ban hành Quyết định số 5521-1145/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông Ngô Hàng V là đúng quy định pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng phần đất bị thu hồi của ông V, bà Đ nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp, có nguồn gốc sử dụng ổn định và gắn với công trình xây dựng trên đất (nhà) nên phải được xem xét và xác định là phần đất ở để được bồi thường theo giá đất ở, từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V là không có cơ sở.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hàng V.

[3] Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Người bị kiện không phải chịu.

Án phí hành chính phúc thẩm: Do đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người bị kiện nên tiền tạm ứng án phí được sung vào công quỹ nhà nước.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 225, khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện H, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 1202/2021/HC-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng Luật Đất đai năm 2003 và năm 2013; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố H; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và an sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 63/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hàng V về việc hủy:

- Quyết định số 5521-1145/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông Ngô Hàng V thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa đường Tỉnh lộ 9 (đường Đ);

- Thông báo số 823/TB-UBND-TTH ngày 27/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại;

- Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định pháp luật về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với phần bị thu hồi của ông Ngô Hàng V, bà Nguyễn Thị Đ theo quy định của pháp luật và giải quyết khiếu nại (nếu có).

2/. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Ngô Hàng V phải chịu 300.000 đồng. Người bị kiện không phải chịu.

3/. Án phí hành chính phúc thẩm: Sung vào công quỹ nhà nước số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh đã nộp theo các biên lai thu số 0001834, 0001835 ngày 14/3/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4/. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận***:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Đương sự (6);
- Lưu VT(5), HSVA (2) 18b LTTT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thu Thủy**